

Số: 100/CBTT.PVCL.26

Cần Thơ, ngày 17 tháng 6 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

- Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
 - Mã chứng khoán: CCL
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, lô KTM 06, đường số 6, Khu đô thị 5A, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ
 - Điện thoại: (0299) 3627 999 Email: pvcl@dothi5a.com
 - Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thị Ngọc Huệ – Người được Ủy quyền CBTT.
- Loại thông tin công bố: ☐ Định kỳ ☐ Bất thường ☒ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long xin công bố thông tin về việc chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và Hợp đồng kiểm toán số 190/HĐKT/TC/2026/AASCS ngày 17/6/2026 về việc thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 kết thúc tại 31/12/2026 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

- Tên đơn vị kiểm toán: **Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS)**
- Địa chỉ: Số 29, Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 07/NQ.HĐQT.PVCL.26 ngày 17/6/2026.
- Hợp đồng kiểm toán số 190/HĐKT/TC/2026/AASCS ngày 17/6/2026

Thông tin này đã được công bố trên website Công ty: <http://pvcl.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu thư ký.

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin**



Trần Thị Ngọc Huệ

Số: 07/NQ.HĐQT.PVCL.26

Cần Thơ, ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT HĐQT

Về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày
30/6/2026 và BCTC năm 2026 kết thúc tại ngày 31/12/2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Khoá XIII, thông qua ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi chứng khoán thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long;
- Căn cứ Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/BB.HĐQT.PVCL.26 ngày 17/6/2026 về việc chọn đơn vị Soát xét BCTC giữa niên độ và Kiểm toán BCTC năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG QUYẾT NGHỊ

ĐIỀU I: Quyết định chọn Công ty TNHH dịch vụ tư vấn kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) là tổ chức kiểm toán soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: số 29, Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU II: Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện việc thỏa thuận, ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán tuân thủ theo qui định pháp luật hiện hành và báo cáo cho Hội đồng Quản trị.

ĐIỀU III: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai nội dung Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều III (thực hiện);
- CBTT;
- Lưu TK.HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Triệu Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 190 /HĐKT/TC/2026/AASCS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2026

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

*V/v: Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2026
và Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 kết thúc tại 31/12/2026
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 17/2012/ NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện ban hành theo Thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ theo yêu cầu soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.

Hôm nay ngày 17 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG
(Dưới đây gọi tắt là Bên A)
Đại diện là Ông : **DƯƠNG THẾ NGHIÊM**
Chức vụ : **Tổng Giám Đốc**
Điện thoại : (0299) 3627.999
Fax : (0299).3627.888
Địa chỉ : Số 02 –KTM 06, Đường số 06, Khu Đô thị 5A, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ
Mã số thuế : 2200280598
Tài khoản : 74210000057590
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Bên B : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(Sau đây gọi tắt là Bên B)
Đại diện là : **ĐỖ KHẮC THANH**
Chức vụ : **Phó Tổng Giám Đốc**
Email : info@aascs.com.vn
Điện thoại : (08)38.205.944 – (08)38.205.947
Fax : (08)38.205.942
Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0305011729
Tài khoản : 30277489 (VND) – 30277509 (USD)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:
 - Soát xét báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc cùng ngày. Hợp đồng dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A.
 - Kiểm toán báo cáo tài chính cả năm 2026 của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Việc soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2026 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Bên B sẽ thực hiện soát xét báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực 2410.
- Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.
- Phương thức thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán được chia làm 02 kỳ (06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm); kỳ kiểm toán 06 tháng đầu năm sẽ phát hành báo cáo soát xét cho BCTC tại ngày 30/06/2026, kỳ kiểm toán 06 tháng cuối năm sẽ phát hành báo cáo kiểm toán cho cả năm 2026.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- (d) Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và

khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

- (e) Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- (f) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Đối với dịch vụ soát xét

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
- (b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kế toán và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét Báo cáo tài chính về cơ bản hẹp hơn phạm vi một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.
- (c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.
- (d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- (e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- (f) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thu giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Đối với dịch vụ kiểm toán

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính xét trên phương diện tổng thể không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quan Báo cáo tài chính ;

- (b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán;
- (c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật về những số liệu, tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A mà Bên B thu được trong quá trình kiểm toán. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ thông tin cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- (d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.
- (e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO PHÁT HÀNH

Sau khi hoàn thành dịch vụ soát xét/ kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được phát hành 14 (mười bốn) bộ tiếng Việt và 03 (ba) bộ tiếng Anh:
 - Bên A: 12 (mười hai) bộ tiếng Việt và 02 (hai) bộ tiếng Anh
 - Bên B: 02 (hai) bộ tiếng Việt và 01 (một) bộ tiếng Anh;
- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 được phát hành 14 (mười bốn) bộ tiếng Việt và 03 (ba) bộ tiếng Anh:
 - Bên A: 12 (mười hai) bộ tiếng Việt và 02 (hai) bộ tiếng Anh
 - Bên B: 02 (hai) bộ tiếng Việt và 01 (một) bộ tiếng Anh
- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.
- Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản. Báo cáo soát xét gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan. Báo cáo kiểm toán gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.
- Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét/kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **100.000.000 VND**

(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Soát xét BCTC 06 tháng đầu 2026: 50.000.000 VND
- Kiểm toán BCTC năm 2026: 50.000.000 VND

Phí dịch vụ **chưa** bao gồm thuế GTGT.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, 50% số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy. Trong trường hợp Bên B tự động hủy hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A, thì Bên B phải chịu bồi thường các khoản chi phí có liên quan đến quá trình thực hiện dịch vụ kiểm toán cho Bên A.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế do hai bên lựa chọn. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu. Mỗi bên giữ 02 bản.
- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên A
Tổng Giám đốc



DUYNG THẾ NGHIÊM

Đại diện Bên B
Phó Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH